

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 17/03/2022

Về việc: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Gia Khánh.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2021/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST – DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H– sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 17, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

Hiện tạm trú tại: Xóm 3, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 17, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh N tại xã Đ vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 5, 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được và ngày càng căng thẳng, nặng nề hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh

phúc nên từ đầu năm 2018 cho đến nay anh chị sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có ba con chung cháu Nguyễn Thúy N2 sinh ngày 24 tháng 02 năm 2009, cháu Nguyễn Hồng N1 sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011, cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 03 tháng 06 năm 2017. Hiện các cháu đang ở cùng với chị. Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2021 chị H đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ba con chung là 3.000.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng) kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Tuy nhiên tại Phiên tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25 tháng 1 năm 2022 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề giao con sau khi ly hôn, do nguyện vọng cháu Ngân muốn ở với anh N nên chị đề nghị được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Hồng N1 và cháu Nguyễn Thiên A và giao cháu Nguyễn Thúy N2 cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh N không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại xóm 17, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn N và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Văn N thông qua bố để anh N là ông Nguyễn Văn T, anh N cũng đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh N không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Nguyễn Thúy N2, sinh ngày 24/02/2009 và cháu Nguyễn Hồng N1 sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn, Tại bản tự khai ngày 05/01/2022 cháu N2 muốn ở với bố và cháu N1 mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn N

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu Nguyễn Hồng N1 sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và cháu Nguyễn Thiên A sinh ngày 03 tháng 6 năm 2017 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. giao cho anh Nguyễn Văn N chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy N2 sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí: Chị Phạm Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn N nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại: 17, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn N, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống cùng bố mẹ anh N tại xã Đ và chung sống hạnh phúc được 5, 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị H và anh N đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh N không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh N không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện: Chị H và anh N có Đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2004 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh N tại xóm 17, xã Đ. Quá trình chung sống giữa chị H và anh N có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được vì địa phương không nhận được đơn thư hay yêu cầu gì từ phía gia đình chị H, anh N, về cuộc sống của anh N và chị H thì anh N làm công việc tự do thỉnh thoảng mới về còn chị H ở nhà nuôi con. Qua theo dõi tìm hiểu tại cơ sở thì hiện nay

chị H cùng các con đã bỏ về nhà chồng để về quê ở xã L làm ăn sinh sống, anh N ở cùng bố đẻ là ông Nguyễn Văn T tại xóm 17, xã Đ. Nay chị H xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau bốn năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có ba con chung cháu Nguyễn Thúy N2 sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009, cháu Nguyễn Hồng N2 sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và cháu Nguyễn Thiên A sinh ngày 03 tháng 6 năm 2017. Hiện các cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc hai con chung cháu Nguyễn Hồng N1 và cháu Nguyễn Thiên A. Về phía anh N không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc ai là người trực tiếp nuôi dạy con sau khi ly hôn. Qua xem xét đến nguyện vọng của các con chung thì cháu N2 muốn ở với bố và cháu N1 muốn ở với mẹ. Riêng cháu A còn nhỏ cũng cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, Nay để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự cũng không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao hai con chung cháu Nguyễn Hồng N1 và cháu Nguyễn Thiên A cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống. Giao cháu Nguyễn Thúy N2 cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung: Do chị H không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung khi ly hôn, chị xác định mình có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu khi bố mẹ ly hôn. Việc chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng đối với con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật do vậy vấn đề cấp dưỡng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng N sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và cháu Nguyễn Thiên A sinh ngày 03 tháng 6 năm 2017 cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Giao cháu Nguyễn Thúy N2 sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009 cho Anh Nguyễn Văn N chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống, Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004472 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã L;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Trần Thị Khanh**